TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/DS-PT
Ngày: 16-4-2019
"V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt.

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2018/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc: "Tranh chấp dân sự về hợp đồng đặt cọc";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 56/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 66/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hữu H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số A, Q.L B, phường M.P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông H là ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số C, đường N.T.M.K, Phường G, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản uỷ quyền ngày 16/01/2019).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Vũ Xuân M, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số D, C.L, Phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Vũ Xuân M là ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số H, C.L, Phường E, thành phố C, Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 31/01/2018).

2.2. Bà Ngô Lệ Q, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số M, đường L.T.R, Khóm N, Phường O, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1943;

3.2. Ông Vũ Quang H1, sinh năm 1973;

3.3. Bà Đào Ngọc T, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Số D, C.L, khóm M.H, Phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người được ủy quyền của bà N và ông H1, bà T là ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số H, C.L, Phường E, thành phố C, Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 15/01/2018 và ngày 04/01/2018).

3.4. Chị Vũ Nhựt Tường V, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Số D, C.L, Phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Chị Vũ Thị Ánh N1, sinh năm 1992;

3.6. Anh Vũ Huy H2, sinh năm 2006;

Cùng địa chỉ: Số M, đường L.T.R, Khóm N, Phường O, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Bà Ngô Kim P, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số P T.V.V, Khóm S, Phường R, TP. S, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Bà Ngô Lệ M1, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số I, T.P, Phường X, Quận V, TP. Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Ông Vũ Xuân M và bà Ngô Lệ Q (là các bị đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lê Hữu H trình bày:

Vào ngày 25/02/2017 giữa ông Lê Hữu H với ông Vũ Xuân M và bà Ngô Lệ Q có ký hợp đồng đặt cọc số tiền 100.000.000 đồng để đảm bảo thực hiện việc chuyển nhượng đất sau đó 30 ngày nhưng sau đó ông M và bà Q không đồng ý chuyển nhượng đất nên phát sinh tranh chấp. Đối với số tiền 100.000.000 đồng đã đặt cọc thì ông M giao trả lại cho ông H ngày 28/6/2017. Ông Lê Hữu H yêu cầu ông Vũ Xuân M và bà Ngô Lệ Q bồi thường tiền đặt cọc với số tiền là 200.000.000 đồng theo thỏa thuận tại hợp đồng đặt cọc ngày 25/02/2017 đã quy định.

- Bị đơn ông Vũ Xuân M ủy quyền cho ông Vũ Tuấn A trình bày:

Thừa nhận giữa ông M và bà Q có ký hợp đồng đặt cọc số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 25/02/2017, ông M và bà Q đã nhận tiền cọc là 100.000.000 đồng. Trong hợp đồng có thỏa thuận nếu ai không thực hiện đúng hợp đồng sẽ bồi thường số tiền gấp 02 lần số tiền đặt cọc. Bản thân ông M trước đây là người đứng tên giấy chứng nhận, nhưng sau khi nhà nước bồi thường thì đất lại được cấp cho hộ ông Vũ Xuân M và bà Ngô Lệ Q. Do đó, sau khi làm biên nhận tiền đặt cọc xong thì 02 tháng sau làm hợp đồng chuyển nhượng thì phòng công chứng yêu cầu N1 là con gái của ông M, bà Q phải ký tên vì cháu N1 có tên trong hộ khẩu. Hộ khẩu ở phường E của ông M còn có bà Nguyễn Thị N là cô của ông M thì cháu N1 và bà N không đồng ý bán đất này. Cháu N1 không đồng ý ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng và đã bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Mặc dù ông H và ông M đã đến tìm và giải thích để cháu N1 ký tên bán đất nhưng cháu N1 kiên quyết không bán vì muốn giữ đất lại ở.

Ngày 28/6/2017, ông M đã đến nhà của ông H để trả lại tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng, có sự chứng kiến của ông Đinh Ngọc Q1 và Vũ Quang H1. Ông M đã giao đủ và ông H đã nhận đủ 100.000.000 đồng. Ông Q1 là người viết biên nhận trả tiền đặt cọc. Ông H đã giữ bản chính sổ hộ khẩu ở phường O của bà Q, sổ hộ khẩu ở phường E của ông M và giấy chứng minh nhân dân của ông M và bà Q. Sau đó ông H đã trả lại sổ hộ khẩu bản chính ở phường E cho ông M để ông M đem về cho các cháu đi nước ngoài. Hiện nay ông H đang còn giữ sổ hộ khẩu ở phường O của bà Q, giấy chứng minh nhân dân của ông M và bà Q. Ông M yêu cầu ông H phải trả lại các giấy tờ bản chính này cho ông M và bà Q.

Nay ông M đã trả lại tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng rồi và không đồng ý bán đất, việc này là do phát sinh ngoài ý muốn nên đây không phải là lỗi ông M nên ông M không đồng ý bồi thường 200.000.000 đồng.

Vì vậy, ông M và bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết hủy biên nhận tiền đặt cọc 100.000.000 đồng bán nền nhà đất thổ cư do ông Vũ Xuân M và bà Ngô Lệ Q ký ngày 25/02/2017.

- Bị đơn bà Ngô Lệ Q trình bày:

Thống nhất theo trình bày của ông M. Bà Q không đồng ý tiếp tục chuyển nhượng đất cho ông Lê Hữu H cũng không đồng ý bồi thường tiền cọc theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, ông Vũ Quang H1, chị Đào Ngọc T cùng ủy quyền cho ông Vũ Tuấn A trình bày:

Không đồng ý tiếp tục chuyển phần diện tích nêu trên. Về yêu cầu bồi thường đặt cọc thì đề nghị xem xét giải quyết theo pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Lệ M1 và bà Ngô Kim P trình bày:

Thống nhất không đồng ý chuyển nhượng phần đất trên cho ông Lê Hữu H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng tháp đã quyết định tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Hữu H: Buộc ông Vũ Xuân M và bà Ngô Lệ Q có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Lê Hữu H số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của anh Lê Hữu H đối với yêu cầu trả số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Vũ Xuân M và bà Ngô Lệ Q về việc yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc.

4. Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về án phí:

- Anh Lê Hữu H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 7.500.000 đồng theo biên lai số 08664 ngày 09-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

- Bà Ngô Lệ Q phải chịu 5.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000130 ngày 15-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, do đó bà Q còn phải nộp tiếp số tiền 5.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 và ngày 21 tháng 11 năm 2018, các bị đơn bà Ngô Lệ Q và ông Vũ Xuân M kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Vũ Xuân M và bà Ngô Lệ Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Lê Hữu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý theo bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bị đơn Vũ Xuân M và Ngô Lệ Q, sửa bản án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Hữu H về việc yêu cầu ông M, bà Q bồi thường tiền đặt cọc.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa ngày 16/4/2019, Người đại diện theo ủy quyền cho ông H là ông Nguyễn Hoàng G, Người đại diện theo ủy quyền cho ông Vũ Xuân M, bà Nguyễn Thị N, ông Vũ Quang H1, bà Đào Ngọc T là ông Vũ Tuấn A, bà Ngô Lệ Q có mặt tại phiên tòa. Chị Vũ

Nhựt Tường V, chị Vũ Thị Ánh N1, anh Vũ Huy H2, bà Ngô Kim P và bà Ngô Lệ M1 đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử trong vụ án này, nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 25/02/2017 giữa ông Lê Hữu H với ông Vũ Xuân M và bà Ngô Lệ Q có ký hợp đồng đặt cọc số tiền 100.000.000 đồng để đảm bảo thực hiện việc chuyển nhượng đất sau đó 30 ngày, nhưng ông M và bà Q không đồng ý chuyển nhượng đất nên phát sinh tranh chấp. Đối với số tiền 100.000.000 đồng đã đặt cọc thì ông M giao trả lại cho ông H ngày 28/6/2017. Ông Lê Hữu H yêu cầu ông Vũ Xuân M và bà Ngô Lệ Q bồi thường tiền đặt cọc với số tiền là 200.000.000 đồng theo thỏa thuận tại hợp đồng đặt cọc ngày 25/02/2017 đã quy định. Về phía bị đơn ông Vũ Xuân M và bà Ngô Lệ Q không đồng ý bồi thường tiền cọc theo yêu cầu của ông H nên phát sinh tranh chấp.

[3] Qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày của phía bị đơn ông Vũ Xuân M và bà Ngô Lệ Q là không đồng ý bồi thường tiền đặt cọc cho ông Lê Hữu H khoản tiền nào cả và ông M, bà Q yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc này, vì ông M và bà Q cho rằng phía ông bà không có lỗi trong việc không chuyển nhượng đất cho ông H.

[4] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày và yêu cầu của phía ông M, bà Q là có một phần căn cứ nên được chấp nhận một phần kháng cáo, bởi lẽ: Căn cứ vào Hợp đồng nhận tiền đặt cọc ngày 25/02/2017 thì việc ký hợp đồng là hoàn toàn do ý chí tự nguyện giữa các bên, nhằm đảm bảo cho một giao dịch khác trong tương lai không phụ thuộc yếu tố khách quan hay chủ quan khác. Các bên tự cam kết và chịu trách nhiệm thực hiện theo nội dung thỏa thuận đã ký kết cũng như thỏa thuận bồi thường khi không thực hiện theo cam kết. Mặt khác, hợp đồng này không đề cập đến yếu tố lỗi khi không thực hiện theo cam kết, cũng không đề cập đến đối tượng của hợp đồng phải thực hiện hợp đồng tiếp theo (đất chuyển nhượng) có hay không mà chỉ thể hiện ý chí của các bên là hướng đến thực hiện giao dịch trong tương lai. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 328 của Bộ luật dân sự năm 2015 đã quy định: "Trường hợp hợp đồng được giao kết, nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc". Như vậy, theo Hợp đồng nhận tiền đặt cọc ngày 25/02/2017 trên giữa ông M, bà Q với ông H đã được giao kết, thực hiện mà sau đó ông M, bà Q đã từ chối việc giao kết, không thực hiện hợp đồng nên ông M, bà Q (bên nhận đặt cọc) phải có nghĩa vụ trả (bồi thường) cho ông H (bên đặt cọc) số tiền 100.000.000 đồng (khoản tiền

tương đương giá trị tài sản đặt cọc) là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H yêu cầu ông M và bà Q bồi thường cho ông H số tiền 200.000.000 đồng theo thỏa thuận tại hợp đồng đặt cọc ngày 25/02/2017. Xét yêu cầu trên của ông H là có căn cứ một phần nên được chấp nhận một phần yêu cầu là buộc ông M, bà Q phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông H số tiền 100.000.000 đồng (khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc) như Hội đồng xét xử đã nhận định và phân tích trên.

[6] Đối với số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng ngày 25/02/2017 thì phía bị đơn đã giao cho phía nguyên đơn đã nhận lại vào ngày 28/6/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm đại diện nguyên đơn rút lại không yêu cầu bị đơn trả đối với số tiền 100.000.000 đồng tiền đặt cọc trên, xét thấy đây là sự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với việc rút yêu cầu khởi kiện trên và trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là phù hợp, đúng pháp luật.

[7] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nằm trong hộ ông M, bà Q cho rằng đất là cấp cho hộ của ông M và bà Q nhưng ông M và bà Q tự ý ký Hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng đất là không đúng nên không đồng ý tiếp tục chuyển nhượng, còn về Hợp đồng đặt cọc thì không có yêu cầu mà đề nghị xem xét giải quyết theo pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông M và bà Q có lỗi khi thực hiện giao dịch thì phải có nghĩa vụ bồi thường, còn đối việc chuyển nhượng đất các bên cũng đã thống nhất không tiếp tục chuyển nhượng và cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của những người trong hộ này, còn về Hợp đồng đặt cọc thì yêu cầu xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là chưa phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[9] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông M, bà Q và sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông M, bà Q như Hội đồng xét xử đã nhận định và phân tích trên là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[10] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30-12-2016 của Quốc Hội về án phí thì án phí được tính như sau:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng với phần không được chấp nhận yêu cầu và các bị đơn buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự một phần nên phải liên đới chịu một phần án phí dân sự sơ thẩm, đồng thời do yêu cầu phản tố của các bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông M được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn, do đó ông M không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Do bị đơn được chấp nhận một phần kháng cáo nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (kháng cáo). Nhưng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm (kháng cáo) của bà Ngô Lệ Q đã nộp tạm ứng được khấu trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp.

[11] Các phần khác của phần quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 29, Điều 147, Điều 148, Điều 228 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 328, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Vũ Xuân M và Ngô Lệ Q.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng tháp.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu H về việc yêu cầu ông Vũ Xuân M, bà Ngô Lệ Q bồi thường tiền cọc.

4. Buộc ông Vũ Xuân M và bà Ngô Lệ Q có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Lê Hữu H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hữu H đối với yêu cầu trả số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng vào ngày 25/02/2017.

6. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Vũ Xuân M và bà Ngô Lệ Q về việc yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc ngày 25/02/2017 giữa anh Lê Hữu H với ông Vũ Xuân M, bà Ngô Lệ Q.

7. Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

8. Về án phí:

8.1. Anh Lê Hữu H phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai số 08664 ngày 09/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, Đồng Tháp. Anh Lê Hữu H được nhận lại 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

8.2. Ông Vũ Xuân M được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi. Hoàn trả lại cho ông Vũ Xuân M 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000130 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

8.3. Bà Ngô Lệ Q phải chịu 2.800.000 đồng (Hai triệu, tám trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0005061 ngày 23/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Bà Ngô Lệ Q còn phải nộp tiếp số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

8.4. Ông Vũ Xuân M và bà Ngô Lệ Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm kháng cáo. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm kháng cáo của bà Ngô Lệ Q đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0005061 ngày 23/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được khấu trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp trên.

9. Các phần khác của phần quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thành phố C;
- CCTHADS thành phố C;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao